

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG  
NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: 22/2019/CV-SGT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN  
NHÀ NƯỚC VÀ SGDK TP.HCM**

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Mã chứng khoán: SGT

Trụ sở chính: Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.3715 9909

Fax: 08.5437 1074

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Cẩm Phương

Địa chỉ: Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. HCM

Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

**Công bố công văn giải trình số liệu báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2018.**

Ngày 20/02/2019, Công ty cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn đã công bố công văn đính chính và giải trình số liệu KQKD trên BCTC riêng lẻ và BCTC hợp nhất quý 4 năm 2018 . Đồng thời, cùng ngày các Công văn bản chính cũng đã được gửi đến Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn [www.saigontel.vn](http://www.saigontel.vn) mục Quan hệ cổ đông vào ngày 20/02/2019

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng kính chào!



*Nguyễn Cẩm Phương*

Số: 21 /CVSGT/2019

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2019.

(V/v: *Đính chính và giải trình số liệu KQKD trên BCTC riêng lẻ và BCTC hợp nhất công bố Quý 4/2018*)

**Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

- Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ban hành ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
- Căn cứ vào BCTC Riêng và BCTC Hợp nhất Quý 4/2018 của Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn (mã CK “SGT”) đã công bố ngày 30/01/2019

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn (mã CK “SGT”) xin đính chính lại số liệu kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2018 trên BCTC Quý 4 năm 2018 và giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại BCTC Riêng và BCTC Hợp nhất Quý 4/2018 có biến động từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm 2017 như sau:

**A. Đính chính số liệu kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2018 trên BCTC hợp nhất Quý 4/2018:**

Do sai sót trong quá trình đánh máy nên Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn (mã CK “SGT”) xin đính chính lại lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ và của cổ đông không kiểm soát trên kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2018, tuy nhiên các chỉ tiêu khác không thay đổi.

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	KQKD hợp nhất năm 2018 trên BCTC hợp nhất Quý 4/2018		
	Trước đính chính	Sau đính chính	Chênh lệch
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>125.056.750.060</b>	<b>125.056.750.060</b>	<b>-</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	125.056.750.060	125.047.468.729	(9.281.331)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-	9.281.331	9.281.331
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.651</b>	<b>1.666</b>	<b>(15)</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.651</b>	<b>1.666</b>	<b>(15)</b>

(\* *Đính kèm phụ lục số 1: KQKD hợp nhất năm 2018 sau đính chính số liệu*)

**B. Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại BCTC Riêng và BCTC Hợp nhất Quý 4/2018 có biến động từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm 2017:**

**1. Kết quả kinh doanh tại BCTC riêng lẻ Quý 4/2018:**

**a. Kết quả kinh doanh Quý 4/2018:**

*Đơn vị tính : Triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	KQKD Quý trên BCTC riêng lẻ Quý 4/2018		So sánh chênh lệch	
		2018	2017	Giá trị	Tỷ lệ % /năm trước
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	108.081	149.926	(41.845)	-27,91%
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	91.154	107.300	(16.147)	-15,05%
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	73.915	47.368	26.547	56,04%

Lợi nhuận sau thuế Quý 4/2018 của công ty tăng 56,04% so với cùng kỳ năm 2017 do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tuy giảm 27,91% so với cùng kỳ năm trước nhưng do công ty thực hiện điều chỉnh giảm giá vốn đất đối với diện tích thương phẩm của khu công nghiệp giai đoạn 1 đã bán hết về đúng chỉ phí thực tế phát sinh nên lợi nhuận gộp chỉ giảm 15,05% so với cùng kỳ năm trước.
- Đồng thời cuối năm công ty hoàn nhập được một số khoản dự phòng nợ khó đòi đã trích lập và thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí nên lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 4/2018 tăng 56,04% so với cùng kỳ năm trước.

**b. Kết quả kinh doanh năm 2018:**

*Đơn vị tính : Triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	KQKD năm trên BCTC riêng lẻ Quý 4/2018		So sánh chênh lệch	
		2018	2017	Giá trị	Tỷ lệ % /năm trước
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	455.334	619.332	(163.998)	-26,48%
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	216.746	217.523	(777)	-0,36%
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	122.148	109.392	12.756	11,66%

Lợi nhuận sau thuế cả năm 2018 của công ty tăng 11,66% so với cùng kỳ năm 2017 do các nguyên nhân chủ yếu sau :

- Năm 2018 là một năm có sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực hạ tầng viễn thông, cho thuê đất, cho thuê văn phòng,.. nên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2018 giảm 26,48% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra, công ty thực hiện điều chỉnh giảm giá vốn đất đối với diện tích thương phẩm của khu công nghiệp giai đoạn 1 như đã nêu ở phần giải trình KQKD riêng lẻ quý 4/2018 nên dù doanh thu giảm mạnh nhưng lợi nhuận gộp chỉ giảm 0,36% so với cùng kỳ năm trước.
- Công ty hoàn nhập được một số khoản dự phòng nợ khó đòi đã trích lập và thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí nên lợi nhuận sau thuế TNDN cả năm 2018 tăng 11,66% so với cùng kỳ năm trước

## 2. Kết quả kinh doanh hợp nhất tại BCTC Quý 4/2018:

### a. Kết quả kinh doanh hợp nhất Quý 4/2018:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	KQKD Quý trên BCTC hợp nhất Quý 4/2018		So sánh chênh lệch	
		2018	2017	Giá trị	Tỷ lệ % /năm trước
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	166.024	251.481	(85.456)	-33,98%
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	93.674	113.849	(20.175)	-17,72%
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	75.011	47.880	27.132	56,67%

Lợi nhuận sau thuế tại kết quả kinh doanh hợp nhất Quý 4/2018 của công ty tăng 56,67% so với cùng kỳ năm 2017 nguyên nhân chủ yếu sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 33,98% so với cùng kỳ năm trước là do bên cạnh các nguyên nhân đã giải trình đối với KQKD riêng lẻ quý 4/2018 đã nêu ở phần B.1.a thì SGT có một công ty con là công ty CP Đầu Tư và Bất Động Sản Saigontel đã thực hiện chuyển đổi mô hình từ kinh doanh thương mại sang lĩnh vực kinh doanh bất động sản từ tháng 4/2018. Việc chuyển đổi này đã làm cho doanh thu bán hàng năm 2018 sụt giảm nên lợi nhuận gộp cũng bị giảm 17,72% so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý 4/2018 tăng 56,67% so với cùng kỳ năm trước do các nguyên nhân làm giảm chi phí như : giảm giá vốn là do điều chỉnh giảm giá đất, giảm chi phí quản lý là do tiết kiệm chi phí và hoàn nhập dự phòng một số khoản nợ khó đòi đã thu hồi được.

**b. Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2018:**

Đơn vị tính: Triệu đồng

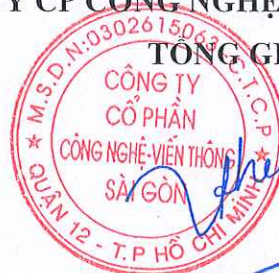
Stt	Chỉ tiêu	KQKD năm trên BCTC hợp nhất Quý 4/2018		So sánh chênh lệch	
		2018	2017	Giá trị	Tỷ lệ % /năm trước
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	688.593	815.804	(127.210)	-15,59%
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	236.568	241.140	(4.572)	-1,90%
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	125.057	111.204	13.853	12,46%

Do ảnh hưởng của các nguyên nhân đã đề cập ở phần giải trình KQKD hợp nhất Quý 4/2018 nêu trên nên lợi nhuận sau thuế hợp nhất cả năm 2018 tại BCTC Quý 4/2018 tăng 12,46% so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng.

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN CẨM PHƯƠNG**

PHỤ LỤC SỐ 1

ĐÍNH CHÍNH SỐ LIỆU KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2018 TRÊN BCTC HỢP NHẤT QUÝ 4/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN  
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu số B 02 - DN /HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 Năm 2018	Quý 4 Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	166,024,434,205	251,480,501,576	688,593,225,347	815,803,566,246
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.2	1,396,023,584	1,039,720,247	4,452,458,224	17,156,800,684
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	164,628,410,621	250,440,781,329	684,140,767,123	798,646,765,562
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.4	70,954,312,550	136,591,728,064	447,572,742,964	557,506,429,949
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		93,674,098,071	113,849,053,265	236,568,024,159	241,140,335,613
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	801,325,044	8,735,711,163	4,329,146,986	30,154,061,845
7 Chi phí tài chính	22	VI.6	10,379,443,360	37,785,967,539	38,118,300,738	27,291,505,727
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7,962,876,854	10,776,496,800	32,664,357,970	33,463,325,401
8 Chi phí bán hàng	25		6,350,936,932	7,755,906,987	29,939,980,036	42,972,239,640
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	(3,109,902,490)	15,198,908,499	29,868,466,210	64,102,414,298
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		85,854,945,313	61,843,981,403	142,970,424,161	136,928,237,793
11 Thu nhập khác	31		3,474,109,392	4,047,207,872	10,599,619,948	8,832,167,054
12 Chi phí khác	32		294,668,995	2,661,522,251	1,889,166,897	7,583,511,732
13 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3,179,440,397	1,385,685,621	8,710,453,051	1,248,655,322
14 Lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		89,034,385,710	63,229,667,024	151,680,877,212	138,176,893,115
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	14,023,376,924	(18,719,463,821)	26,785,586,142	26,986,539,252
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	34,069,625,498	(161,458,990)	(13,665,620)
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		75,011,008,786	47,879,505,347	125,056,750,060	111,204,019,483
19 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		75,001,727,455	47,879,505,347	125,047,468,729	111,204,019,483
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		9,281,331	-	9,281,331	-
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	990	647	1,666	1,503
22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	990	647	1,666	1,503

TP.HCM, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Phạm Thị Cẩm Vân

Quyền Kế toán trưởng

Lê Nguyễn Hoàng Anh



Nguyễn Cẩm Phương